

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 69/GP/KDBH ngày 30 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính cấp và theo các Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
69/GPĐC1/KDBH	Ngày 21 tháng 3 năm 2016
69/GPĐC2/KDBH	Ngày 10 tháng 6 năm 2016
69/GPĐC3/KDBH	Ngày 20 tháng 4 năm 2017
69/GPĐC4/KDBH	Ngày 29 tháng 12 năm 2017
69/GPĐC5/KDBH	Ngày 24 tháng 7 năm 2018
69/GPĐC6/KDBH	Ngày 24 tháng 6 năm 2019
69/GPĐC7/KDBH	Ngày 29 tháng 12 năm 2020
69/GPĐC8/KDBH	Ngày 24 tháng 9 năm 2021
69/GPĐC9/KDBH	Ngày 21 tháng 12 năm 2021
69/GPĐC10/KDBH	Ngày 05 tháng 12 năm 2022

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, kinh doanh tái bảo hiểm, tiến hành hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo công văn số 10241/BTC-QLBH ngày 7 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài Chính và một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 494 người (31 tháng 12 năm 2022: 570 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Kwang-Hung Ting	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Albert Kwang – Chin Ting	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Kwang-I Ting	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Graeme Russell Hannah	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Fan Chih Tseng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Tsai, Hsiu Li	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Lan Wan Chen	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Prapol Phornprapha	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Chen Kuang-Tsung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Tang, Tor-Tsai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Lii San Rong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 01 năm 2024 là Ông Graeme Russell Hannah.

Tổng Giám đốc của Công ty từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Paul George Nguyen.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 01 năm 2024 là Ông Graeme Russell Hannah, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Paul George Nguyen, chức vụ: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin và Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 6 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.



Ông Paul George Nguyen
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11481969/66979114

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng ("Công ty") được lập ngày 6 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNNT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)		891.491.783.274	755.655.215.038
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	658.063.711.754	194.899.432.625
111	1. Tiền		578.063.711.754	60.899.432.625
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	134.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.1	102.450.274.000	434.847.205.384
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		102.450.274.000	434.847.205.384
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		119.607.694.532	111.045.042.568
131	1. Phải thu của khách hàng		13.907.437.887	20.804.030.954
131.1	1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		13.907.437.887	20.804.030.954
132	2. Trả trước cho người bán		376.500.001	3.540.067.680
135	3. Các khoản phải thu khác	7	109.957.135.751	88.870.604.491
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.633.379.107)	(2.169.660.557)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.370.102.988	14.863.534.461
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	11.370.102.988	14.863.534.461
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)		900.877.330.427	894.217.043.418
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		45.548.051.626	34.350.347.338
218	1. Phải thu dài hạn khác		45.548.051.626	34.350.347.338
218.1	1.1 Ký quỹ bảo hiểm	9	15.000.000.000	12.000.000.000
218.2	1.2 Phải thu dài hạn khác		30.548.051.626	22.350.347.338
220	II. Tài sản cố định		10.546.842.673	11.218.373.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.519.081.311	4.479.126.097
222	Nguyên giá		52.376.547.806	50.411.379.716
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(47.857.466.495)	(45.932.253.619)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.027.761.362	6.739.247.575
228	Nguyên giá		33.333.507.735	32.353.302.135
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.305.746.373)	(25.614.054.560)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.2	820.476.450.773	824.812.727.329
251	1. Đầu tư vào công ty con		280.688.405.000	210.090.265.000
258	2. Đầu tư tài chính dài hạn khác		539.788.045.773	614.722.462.329
260	IV. Tài sản dài hạn khác		24.305.985.355	23.835.595.079
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	24.305.985.355	23.835.595.079
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.792.369.113.701	1.649.872.258.456

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNNT

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		1.449.219.333.824	789.180.399.932
310	I. Nợ ngắn hạn		629.288.441.016	182.462.875.364
312	1. Phải trả cho người bán	13	32.921.923.502	42.396.889.734
312.1	1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		32.271.443.766	38.887.969.061
312.2	1.2 Phải trả khác cho người bán		650.479.736	3.508.920.673
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.107.877.140	4.259.637.680
315	3. Phải trả cho người lao động		-	527.920.062
316	4. Chi phí phải trả	15	38.404.145.225	125.898.084.799
319	5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16	551.075.484.149	3.033.570.089
319.1	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	3.779.011.000	6.346.773.000
330	II. Nợ dài hạn		819.930.892.808	606.717.524.568
333	1. Phải trả dài hạn khác		40.520.356.611	39.173.209.506
344	2. Dự phòng nghiệp vụ	18	779.410.536.197	567.544.315.062
344.1	2.1 Dự phòng toán học		741.012.996.121	527.894.734.732
344.2	2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		15.298.196.068	14.515.376.889
344.3	2.3 Dự phòng bồi thường		21.881.107.785	25.019.732.222
344.6	2.4 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết		1.218.236.223	114.471.219
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	19	343.149.779.877	860.691.858.524
410	I. Vốn chủ sở hữu		343.149.779.877	860.691.858.524
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.493.000.000.000	2.493.000.000.000
421	2. Lỗ lũy kế		(2.149.850.220.123)	(1.632.308.141.476)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.792.369.113.701	1.649.872.258.456

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	470,61	75.427,88

Người lập:

Ông Vũ Đức Thuận
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Paul George Nguyễn
Trưởng Ban Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNNT

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP RIÊNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	889.444.572.920	893.729.361.282
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	67.726.523.836	75.630.438.022
13	3. Thu nhập khác	349.632.527	35.133.226
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(508.467.187.793)	(444.737.071.917)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(185.398.642)	(186.861.763)
23	6. Chi phí bán hàng	(655.233.680.835)	(551.409.288.992)
24	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(310.863.520.425)	(293.142.533.816)
25	8. Chi phí khác	(313.020.235)	(352.579.062)
50	9. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 10+12+13+20+22+23+24+25)	(517.542.078.647)	(320.433.403.020)
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
60	11. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51)	(517.542.078.647)	(320.433.403.020)

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNNT

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.3)		906.225.084.170	904.775.964.830
01.1	Phí bảo hiểm gốc	20	907.007.903.349	910.852.455.151
01.3	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	18	(782.819.179)	(6.076.490.321)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm		(20.276.681.293)	(12.410.129.327)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		885.948.402.877	892.365.835.503
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		3.496.170.043	1.363.525.779
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		889.444.572.920	893.729.361.282
11	6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	21	(122.237.335.000)	(90.768.990.204)
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	8.582.462.536	10.989.660.609
13	8. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	21	(211.083.401.956)	(170.790.467.369)
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13)	21	(324.738.274.420)	(250.569.796.964)
16	10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)		(183.728.913.373)	(194.167.274.953)
16.1	Chi hoa hồng bảo hiểm		(183.047.457.379)	(192.476.555.369)
16.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(681.455.994)	(1.690.719.584)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)		(508.467.187.793)	(444.737.071.917)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 + 17)		380.977.385.127	448.992.289.365
22	13. Doanh thu hoạt động tài chính	24	67.726.523.836	75.630.438.022
23	14. Chi phí hoạt động tài chính	25	(185.398.642)	(186.861.763)
24	15. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 + 23)		67.541.125.194	75.443.576.259
25	16. Chi phí bán hàng	22	(655.233.680.835)	(551.409.288.992)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(310.863.520.425)	(293.142.533.816)
30	18. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 + 25 + 26)		(517.578.690.939)	(320.115.957.184)

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNNT

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
31	19. Thu nhập khác		349.632.527	35.133.226
32	20. Chi phí khác		(313.020.235)	(352.579.062)
40	21. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 + 32)		36.612.292	(317.445.836)
50	22. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(517.542.078.647)	(320.433.403.020)
51	23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	24. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51)		(517.542.078.647)	(320.433.403.020)

Người lập:

Ông Vũ Đức Thuận
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Paul George Nguyễn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ trước thuế		(517.542.078.647)	(320.433.403.020)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10,11	4.585.100.879	6.768.039.829
03	Thay đổi dự phòng và dự phòng nghiệp vụ		214.329.939.685	178.424.912.551
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(366.792)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(67.731.922.775)	(75.234.099.180)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(366.358.960.858)	(210.474.916.612)
09	Tăng các khoản phải thu		(53.274.617.890)	(18.592.264.647)
11	Tăng các khoản phải trả		448.172.712.757	15.266.153.528
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.023.041.197	(6.022.241.967)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		31.562.175.206	(219.823.269.698)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền mua sắm, xây dựng TSCĐ & XDCBDD		(3.913.569.880)	(2.324.788.400)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		8.000.000	-
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư		(299.720.333.000)	(482.501.539.314)
24	Tiền thu từ các khoản đầu tư		707.117.264.384	496.161.162.930
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(70.598.140.000)	(69.025.765.000)
27	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		98.708.882.419	49.137.321.291
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		431.602.103.923	(8.553.608.493)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	19	-	250.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	250.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		463.164.279.129	21.623.121.809
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		194.899.432.625	173.275.944.024
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	366.792
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	5	658.063.711.754	194.899.432.625

Người lập:

Ông Vũ Đức Thuận
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Paul George Nguyen
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-DNNT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 69/GP/KDBH ngày 30 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính cấp và theo các Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
69/GPĐC1/KDBH	Ngày 21 tháng 3 năm 2016
69/GPĐC2/KDBH	Ngày 10 tháng 6 năm 2016
69/GPĐC3/KDBH	Ngày 20 tháng 4 năm 2017
69/GPĐC4/KDBH	Ngày 29 tháng 12 năm 2017
69/GPĐC5/KDBH	Ngày 24 tháng 7 năm 2018
69/GPĐC6/KDBH	Ngày 24 tháng 6 năm 2019
69/GPĐC7/KDBH	Ngày 29 tháng 12 năm 2020
69/GPĐC8/KDBH	Ngày 24 tháng 9 năm 2021
69/GPĐC9/KDBH	Ngày 21 tháng 12 năm 2021
69/GPĐC10/KDBH	Ngày 05 tháng 12 năm 2022

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, kinh doanh tái bảo hiểm, tiến hành hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo công văn số 10241/BTC-QLBH ngày 7 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài Chính và một (1) chi nhánh tại Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 494 người (31 tháng 12 năm 2022: 570 người).

Công ty có một công ty con như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty</u>
Fortune Life Insurance PLC. ("Fortune Life")	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe	79,867%

Fortune Life được thành lập tại Campuchia theo Giấy phép Kinh Doanh Bảo hiểm ngày 24 tháng 6 năm 2020 do Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia cấp.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 5. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin và Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 6 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do BTC ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Quy định mới có hiệu lực

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngoài ra, trong năm 2023 một số quy định mới ban hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, cụ thể như sau:

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022"). Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, thay thế cho Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm, luật sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 ("Luật kinh doanh bảo hiểm 2000").

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 ("Nghị định 46") do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Nghị định 46 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Nghị định 46 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, thay thế cho Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm 2000. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, thay thế một số điều của Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thi hành nghị định số 73/2016/NĐ-CP. Theo đó, một số quy định tại Nghị định 46 và Thông tư 67 có hiệu lực từ năm 2023, trong đó có quy định về tài chính và báo cáo tài chính.

Trong năm, Công ty tuân thủ các quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm 2022, Nghị định 46 và Thông tư 67. Các quy định này không làm ảnh hưởng đến các chính sách kế toán mà Công ty đang áp dụng như được trình bày tại các Thuyết minh kèm theo.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm.

Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng hoặc dự định nắm giữ trên một năm.

Ngoại trừ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ, tất cả các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm mua, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên các tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá. Chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng. Lãi của khoản đầu tư được ghi nhận theo lãi suất danh nghĩa.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ được xem xét về khả năng giảm giá tại ngày báo cáo. Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào ngày lập báo cáo tài chính riêng. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu khoản đầu tư bị đánh giá là tổn thất.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản theo các tỷ lệ như sau:

Thiết bị công nghệ thông tin và văn phòng	6-7 năm
Nội thất	6-10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	4-9 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ hai mươi bốn (24) tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong phần "Đầu tư ngắn hạn" trên bảng cân đối kế toán riêng. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Công ty thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các khoản tạm ứng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính riêng trong năm.

3.9 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được cung cấp không phụ thuộc vào việc đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường, được trích lập theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành. Chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ được trình bày như sau:

- ▶ *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho tất cả các sản phẩm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp thuận bởi Bộ Tài chính.
- ▶ *Dự phòng phí chưa được hưởng* là khoản dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm dưới một năm và còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo tài chính riêng.
- ▶ *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ báo cáo chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại thời điểm cuối kỳ báo cáo ("IBNR").

Theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung như sau:

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung được tính theo một trong các phương pháp sau: Tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cộng với khoản dự phòng nhằm đảm bảo cho việc chi trả giá trị tài khoản đối với các hợp đồng dự kiến xảy ra sự kiện bảo hiểm trong kỳ; Tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung.
- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai nhưng không bao gồm chi phí chi trả khoản thưởng duy trì hợp đồng trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- ▶ Dự phòng phải trả khách hàng thâm niên bằng giá trị hiện tại của phần chi phí chi trả khoản thưởng duy trì hợp đồng trong tương lai trừ đi giá trị hiện tại của phần phí bảo hiểm được phân bổ cho mục đích chi trả khoản thưởng duy trì hợp đồng trong tương lai.
- ▶ Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết (resilience reserve): Dự phòng này dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc phải thu trừ chiết khấu thương mại, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được xác định phù hợp với Thông tư 67 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Đối với hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần, doanh thu được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc giai đoạn tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán riêng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ của các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Công ty mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi Công ty phải phân bổ vào cả kỳ trước và kỳ sau khi trái phiếu đó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Công ty. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập được xác định bằng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán được bán. Giá vốn của chứng khoán được bán được tính toán bằng phương pháp bình quân gia quyền.

3.13 Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn

Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm được xác lập.

3.14 Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính với tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 67.

3.15 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ.

3.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính riêng được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và dự phòng nghiệp vụ.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong tháng 7/2023, Công ty đã đầu tư thêm 70.598.140.000 VND vào công ty Fortune Life Insurance PLC. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại Fortune Life là 79,867%.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	429.161.330	1.701.734.022
Tiền gửi ngân hàng (*)	577.634.550.424	59.161.532.603
Tiền đang chuyển	-	36.166.000
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	134.000.000.000
	658.063.711.754	194.899.432.625

(*) Trong đó, 550.000.000.000 VND là số dư tài khoản tiền nhận vốn góp từ chủ sở hữu đang được phong tỏa tại Ngân hàng và chờ phê duyệt từ Bộ Tài chính để ghi nhận tăng vốn (Thuyết minh số 16, Thuyết minh số 32).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trái phiếu doanh nghiệp	25.000.000.000	37.921.100.000
Tiền gửi ngắn hạn	51.000.000.000	372.196.164.384
Chứng chỉ quỹ	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay tự động từ giá trị giải ước	4.108.865.000	3.144.656.000
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại	2.341.409.000	1.585.285.000
	102.450.274.000	434.847.205.384

6.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Đầu tư vào công ty con	280.688.405.000	210.090.265.000
Đầu tư vào Fortune Life	280.688.405.000	210.090.265.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	539.788.045.773	614.722.462.329
Trái phiếu, trong đó:		
<i>Trái phiếu chính phủ</i>	247.988.045.773	247.922.462.329
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	100.000.000.000	125.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	191.800.000.000	241.800.000.000
	820.476.450.773	824.812.727.329

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải thu phí hoa hồng từ đại lí	80.121.308.174	18.553.182.262
Lãi phải thu từ các khoản đầu tư ngắn hạn	26.705.997.720	66.434.304.919
Ký quỹ ngắn hạn	1.802.799.307	1.771.515.299
Phải thu người lao động	413.000.000	462.000.000
Phải thu khác	914.030.550	1.649.602.011
	<u>109.957.135.751</u>	<u>88.870.604.491</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Số đầu năm	14.863.534.461	9.540.662.852
Tăng trong năm	58.560.639.090	55.518.820.390
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(62.054.070.563)</u>	<u>(50.195.948.781)</u>
Số cuối năm	<u>11.370.102.988</u>	<u>14.863.534.461</u>

9. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Ký quỹ bảo hiểm là khoản ký quỹ bắt buộc bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu, quy định tại Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ("Nghị định 46").

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Thiết bị CNTT VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	26.011.885.598	22.977.194.118	1.422.300.000	50.411.379.716
Mua trong năm	2.798.961.000	134.403.280	-	2.933.364.280
Thanh lý	-	(968.196.190)	-	(968.196.190)
Số cuối năm	<u>28.810.846.598</u>	<u>22.143.401.208</u>	<u>1.422.300.000</u>	<u>52.376.547.806</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>20.965.759.520</i>	<i>19.345.144.474</i>	<i>1.422.300.000</i>	<i>41.733.203.994</i>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	23.725.652.588	20.784.301.031	1.422.300.000	45.932.253.619
Khấu hao trong năm	1.673.828.502	1.219.580.564	-	2.893.409.066
Thanh lý	-	(968.196.190)	-	(968.196.190)
Số cuối năm	<u>25.399.481.090</u>	<u>21.035.685.405</u>	<u>1.422.300.000</u>	<u>47.857.466.495</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>2.286.233.010</u>	<u>2.192.893.087</u>	-	<u>4.479.126.097</u>
Số cuối năm	<u>3.411.365.508</u>	<u>1.107.715.803</u>	-	<u>4.519.081.311</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Bản quyền VND</i>	<i>Phần mềm máy tính VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.684.426.186	22.668.875.949	32.353.302.135
Mua trong năm	-	980.205.600	980.205.600
Số cuối năm	<u>9.684.426.186</u>	<u>23.649.081.549</u>	<u>33.333.507.735</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>6.401.203.964</i>	<i>14.434.176.699</i>	<i>20.835.380.663</i>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	8.458.993.377	17.155.061.183	25.614.054.560
Hao mòn trong năm	415.659.576	1.276.032.237	1.691.691.813
Số cuối năm	<u>8.874.652.953</u>	<u>18.431.093.420</u>	<u>27.305.746.373</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>1.225.432.809</u>	<u>5.513.814.766</u>	<u>6.739.247.575</u>
Số cuối năm	<u>809.773.233</u>	<u>5.217.988.129</u>	<u>6.027.761.362</u>

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	23.835.595.079	23.136.224.721
Tăng trong năm	21.902.371.584	21.327.294.270
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(21.431.981.308)</u>	<u>(20.627.923.912)</u>
Số cuối năm	<u>24.305.985.355</u>	<u>23.835.595.079</u>

Chi phí trả trước dài hạn là những khoản thanh toán trước về công cụ, trang thiết bị và những chi phí trả trước khác.

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	32.271.443.766	38.887.969.061
Hoa hồng và hỗ trợ đại lý	24.324.297.766	33.661.289.061
Bồi thường và trả tiền bảo hiểm	7.544.229.000	4.657.922.000
Hoàn phí	402.917.000	568.758.000
Phải trả khác cho người bán	650.479.736	3.508.920.673
Phải trả nhà cung cấp	637.781.744	3.440.647.673
Phải trả khác	12.697.992	68.273.000
	<u>32.921.923.502</u>	<u>42.396.889.734</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.998.734.307	3.636.095.636
Nhân viên Công ty	109.142.833	623.542.044
Đại lý	<u>3.107.877.140</u>	<u>4.259.637.680</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí hỗ trợ đại lý	21.644.917.640	79.810.427.712
Hoạt động tái bảo hiểm	10.380.338.617	8.429.095.403
Chi phí hoạt động	5.387.307.737	16.536.288.808
Chi phí thưởng cho nhân viên	-	19.299.999.999
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	-	625.247.180
Khác	991.581.231	1.197.025.697
	<u>38.404.145.225</u>	<u>125.898.084.799</u>

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả kinh phí công đoàn	306.914.621	244.597.448
Phải trả khác liên quan phí bảo hiểm	491.495.098	892.178.643
Phải trả khác (*)	550.277.074.430	1.896.793.998
	551.075.484.149	3.033.570.089

(*) Theo Nghị quyết số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông đồng ý góp vốn với số tiền 550 tỷ VND, Công ty đã nhận đủ phần vốn góp vào tháng 9/2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang chờ Bộ Tài chính phê duyệt Giấy phép điều chỉnh tăng vốn. Vào ngày 19 tháng 2 năm 2024, Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tăng vốn theo Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC11/KDBH. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 19 tháng 2 năm 2024 là 3.043 tỷ VND.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu phí bảo hiểm nhận trước	3.775.489.000	6.343.269.000
Phí bảo hiểm tạm thu	3.522.000	3.504.000
	3.779.011.000	6.346.773.000

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng toán học VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	14.515.376.889	527.894.734.732	25.019.732.222	114.471.219	567.544.315.062
Thay đổi trong năm	782.819.179	213.118.261.389	(3.138.624.437)	1.103.765.004	211.866.221.135
Số cuối năm	15.298.196.068	741.012.996.121	21.881.107.785	1.218.236.223	779.410.536.197

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ đã góp VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Năm trước			
Số đầu năm	2.243.000.000.000	(1.311.874.738.456)	931.125.261.544
Tăng vốn	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(320.433.403.020)	(320.433.403.020)
Số cuối năm	2.493.000.000.000	(1.632.308.141.476)	860.691.858.524
Năm nay			
Số đầu năm	2.493.000.000.000	(1.632.308.141.476)	860.691.858.524
Lỗ thuần trong năm	-	(517.542.078.647)	(517.542.078.647)
Số cuối năm	2.493.000.000.000	(2.149.850.220.123)	343.149.779.877

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM GỐC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Bảo hiểm Liên kết chung	840.641.641.000	856.072.330.000
Bảo hiểm Bổ trợ	34.377.772.000	34.283.227.000
Bảo hiểm Hỗn hợp	20.371.183.000	17.735.582.000
Bảo hiểm Tử kỳ	11.617.307.349	2.761.316.151
	907.007.903.349	910.852.455.151

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	122.237.335.000	90.768.990.204
<i>Bảo hiểm Liên kết chung</i>	<i>107.806.198.000</i>	<i>79.924.410.000</i>
<i>Bảo hiểm Bổ trợ</i>	<i>8.195.891.000</i>	<i>6.364.856.000</i>
<i>Bảo hiểm Hỗn hợp</i>	<i>6.235.246.000</i>	<i>4.472.397.000</i>
<i>Bảo hiểm Tử kỳ</i>	<i>-</i>	<i>7.327.204</i>
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(8.582.462.536)	(10.989.660.609)
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	211.083.401.956	170.790.467.369
	324.738.274.420	250.569.796.964

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hỗ trợ đại lý	303.324.311.923	255.820.109.700
Chi phí lương nhân viên kinh doanh	255.155.494.206	168.054.154.245
Chi thúc đẩy kinh doanh	66.994.292.843	95.819.299.422
Chi phí công cụ dụng cụ	14.842.133.207	14.123.130.197
Chi tuyển dụng và đào tạo	4.593.510.501	7.711.830.209
Chi văn phòng phẩm	4.482.670.160	1.749.156.044
Chi dịch vụ thuê ngoài	3.992.042.793	4.772.422.363
Chi phí khấu hao, hao mòn	1.849.225.202	3.359.186.812
	655.233.680.835	551.409.288.992

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	180.254.310.260	173.034.963.818
Chi thuê văn phòng	55.947.274.808	46.057.485.771
Chi dịch vụ, tư vấn	25.966.164.924	26.608.452.866
Chi phí tiện ích	14.989.408.481	15.229.369.047
Chi phí công tác	11.503.096.858	10.468.387.935
Chi phí công cụ dụng cụ	6.319.824.058	7.049.299.783
Chi phí khấu hao, hao mòn	2.735.875.677	3.408.853.017
Chi phí dự phòng	2.463.718.550	1.557.954.861
Chi văn phòng phẩm	2.068.701.793	2.611.877.892
Chi phí sửa chữa máy móc, văn phòng	1.466.753.056	337.497.178
Khác	7.148.391.960	6.778.391.648
	310.863.520.425	293.142.533.816

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	36.091.002.837	44.732.767.855
Lãi từ đầu tư trái phiếu	31.134.316.494	30.336.071.091
Phân bổ chiết khấu trái phiếu	67.862.759	67.862.752
Lãi chênh lệch tỷ giá	321.746	178.347.324
Khác	433.020.000	315.389.000
	67.726.523.836	75.630.438.022

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí tư vấn đầu tư	180.000.000	180.000.000
Phân bổ phụ trội trái phiếu	2.279.315	2.279.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá	96.229	163.094
Khác	3.023.098	4.419.355
	185.398.642	186.861.763

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lỗ kế toán trước thuế	(517.542.078.647)	(320.433.403.020)
Các khoản điều chỉnh tăng	42.443.089.297	175.275.145.419
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.038.577.280	41.461.648.647
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm trước	366.792	-
Chi phí phải trả	38.404.145.225	133.813.496.772
Các khoản điều chỉnh giảm	(133.813.496.772)	(134.023.227.790)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(366.792)
Chi phí phải trả đã điều chỉnh trong năm trước	(133.813.496.772)	(134.022.860.998)
Lỗ tính thuế ước tính	(608.912.486.122)	(279.181.485.391)
Lỗ sau thuế được chuyển sang năm sau	(608.912.486.122)	(279.181.485.391)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty không trích lập dự phòng thuế TNDN hiện hành do Công ty phát sinh lỗ thuần trong năm.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là: 1.552.323.435.278 VND (31 tháng 12 năm 2022: 1.089.167.010.173 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023 VND	Không được chuyển lỗ VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023 VND
2019	2024	(173.508.491.609) (*)	-	-	(173.508.491.609)
2020	2025	(192.837.474.168) (*)	-	-	(192.837.474.168)
2021	2026	(297.883.497.988) (*)	-	-	(297.883.497.988)
2022	2027	(279.181.485.391) (**)	-	-	(279.181.485.391)
2023	2028	(608.912.486.122) (**)	-	-	(608.912.486.122)
		(1.552.323.435.278)	-	-	(1.552.323.435.278)

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Các khoản lỗ tính thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghịệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Fortune Life	Công ty con	Góp vốn	70.598.140.000	69.025.765.000

Chi tiết lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>13.670.351.640</u>	<u>13.616.962.079</u>

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau :

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	51.160.092.074	41.568.479.974
Từ 1 - 5 năm	34.866.165.714	46.021.947.977
	<u>86.026.257.788</u>	<u>87.590.427.951</u>

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

29. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

29.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Công ty khỏi các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng quản trị. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

29.2 Mục tiêu quản lý rủi ro các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến sinh mạng, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Công ty sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp stress testing.

Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Rủi ro chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và các con số thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể diễn ra trong thời gian một năm bất kỳ có thể khác nhiều so với con số ước tính bằng các phương pháp thống kê thông dụng.

29.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định bởi Bộ Tài chính.

Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm - Bộ Tài chính đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

29. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

29.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định (tiếp theo)

	<i>Biên khả năng thanh toán của Công ty triệu VND</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu triệu VND</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.536)	295.450	(1)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	579.889	276.376	210

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng Cổ đông đồng ý góp vốn với số tiền 550 tỷ VND, Công ty đã nhận đủ phần vốn góp vào tháng 9/2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang chờ Bộ Tài chính phê duyệt Giấy phép điều chỉnh tăng vốn. Nếu được Bộ Tài chính chấp thuận trong năm 2023, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 185%. Ngày 19 tháng 2 năm 2024, Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tăng vốn theo Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC11/KDBH. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 19 tháng 2 năm 2024 là 3.043 tỷ VND.

29.4 Quản lý tài sản nợ/có

Quản lý tài sản nợ/có là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro doanh nghiệp. Trong đó, quản trị rủi ro doanh nghiệp xem xét tất cả nguồn gốc rủi ro đối với một định chế tài chính. Quản lý tài sản nợ/có là tiến hành quản lý một doanh nghiệp để điều phối các quyết định và hành động đối với tài sản có và nợ. Quản lý tài sản nợ/có có thể được định nghĩa như sau:

“Quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát và rà soát chiến lược liên quan đến tài sản có và nợ để đạt được mục tiêu tài chính của Công ty, nằm trong khả năng chấp nhận rủi ro và các giới hạn khác”. Quản lý tài sản nợ/có liên quan trọng yếu đến khả năng quản lý tài chính thích hợp của Công ty để đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu trong tương lai về dòng tiền và các yêu cầu về vốn. Đó là việc phân tích dòng tiền và đối chiếu thời gian đáo hạn của các tài sản nợ và có. Các phân tích dòng tiền nhằm cung cấp thông tin về trạng thái tiền của Công ty trong tương lai.

29.5 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

29.6 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn phần nhượng tái bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái bảo hiểm nếu nhà tái không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

29. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

29.6 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, và để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Công ty và cách thức Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

30.1 Rủi ro bảo hiểm

30.1.1 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - sản phẩm truyền thống

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước. Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

30.1.2 Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm - Công ty cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung. Công ty hiện đang cung cấp sản phẩm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và các sản phẩm hỗ trợ đến tuổi 99.

Sản phẩm liên kết chung cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Lãi suất cho sản phẩm này không thấp hơn mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, yêu cầu giải ước và khi hợp đồng đáo hạn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Công ty sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

30.1.3 Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định

Quy trình xây dựng các giả định là nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tốt nhất có đo lường đến các biến động hợp lý trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo tính hợp lý giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai. Các giả định được xem xét bao gồm giả định về xác suất xảy ra tổn thất và lãi suất đầu tư.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

30.1.3 Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Đối với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, dự phòng bảo hiểm được tính chung trên cơ sở phí điều chỉnh bảo hiểm ròng bởi hệ số điều chỉnh Zillmer. Phí bảo hiểm thuần là mức phí phải trả trong thời gian đóng phí mà giá trị hiện tại tại thời điểm bắt đầu hợp đồng đủ bù đắp cho giá trị hiện tại của các quyền lợi bảo hiểm được đảm bảo tại thời điểm đáo hạn hay khi xảy ra rủi ro bảo hiểm, tùy thuộc sự kiện nào xảy ra sớm hơn. Dự phòng bảo hiểm khi đó sẽ được tính bằng cách trừ giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần điều chỉnh trong tương lai khỏi giá trị hiện tại của các nghĩa vụ đã được đảm bảo đã đáo hạn hoặc trong trường hợp tử vong tính đến ngày của báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được coi là bằng không trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm. Cơ sở phí bảo hiểm thuần điều chỉnh không tính đến việc dừng hợp đồng từ phía người tham gia bảo hiểm vì nếu xem xét cả yếu tố này có thể dẫn đến giảm dự phòng bảo hiểm.

Đối với các sản phẩm liên kết chung, dự phòng bảo hiểm được tính bằng giá trị tài khoản của các hợp đồng còn hiệu lực trừ đi phí giải ước, cộng với số dự phòng tăng thêm cho rủi ro bảo hiểm chưa hết hiệu lực, dự phòng chi phí và dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết.

Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được áp dụng với các rủi ro của các điều khoản riêng.

Các giả định

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 có điều chỉnh đang được sử dụng.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được cung cấp bởi các nhà tái bảo hiểm với kinh nghiệm từ những thị trường tương đương.

(iii) Lãi suất

Công ty sử dụng cùng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống được phê duyệt bởi Bộ Tài chính. Lãi suất này có thể được điều chỉnh trong tình huống lãi suất trái phiếu biến động bất lợi, nhưng chỉ sau khi được sự phê duyệt của Bộ Tài chính.

30.2 Rủi ro tài chính

Các giao dịch về công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Công ty. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Từng nhóm rủi ro này sẽ được mô tả dưới đây cùng với tóm tắt về những chính sách của Công ty để quản lý những rủi ro này.

30.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với Công ty, giá thị trường có hai (2) loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá ngoại tệ.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

30.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Mức độ ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến Công ty do những thay đổi về lãi suất được tập trung vào danh mục đầu tư của Công ty. Các công cụ có kỳ hạn cố định chiếm phần lớn trong tổng danh mục đầu tư và được quản lý theo nguyên tắc cân đối với việc thanh toán các nghĩa vụ như đã dự tính. Công ty theo dõi rủi ro này thông qua việc xem xét định kỳ trạng thái tài sản và nghĩa vụ. Những ước tính về dòng tiền cũng như ảnh hưởng của biến động lãi suất đến danh mục đầu tư và các quỹ dự phòng bảo hiểm đều được thiết lập mô hình và được xem xét thường xuyên. Mục tiêu tổng thể của chiến lược đầu tư này là để hạn chế sự chênh lệch giữa giá trị của tài sản và công nợ do sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng. Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là Đô la Mỹ.

30.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình, chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác.

Mục tiêu của Công ty là đạt được lợi nhuận có tính cạnh tranh tương đối bằng cách đầu tư vào một danh mục đa dạng. Công ty đã ban hành một chính sách tín dụng, trong đó các mức giới hạn được đặt ra để quản lý chất lượng tín dụng và tích tụ rủi ro.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

30.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Chưa quá hạn VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị VND	Bị giảm giá trị riêng lẻ VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.899.432.625	-	-	194.899.432.625
Các khoản đầu tư ngắn hạn - gộp	434.847.205.384	-	-	434.847.205.384
Trái phiếu doanh nghiệp	37.921.100.000	-	-	37.921.100.000
Tiền gửi ngân hàng	372.196.164.384	-	-	372.196.164.384
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.585.285.000	-	-	1.585.285.000
Tạm ứng tự động đóng phí từ giá trị giải ước	3.144.656.000	-	-	3.144.656.000
Chứng chỉ quỹ	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng - gộp	20.804.030.954	-	-	20.804.030.954
Các khoản phải thu ngắn hạn khác - gộp	85.387.011.627	-	3.021.592.864	88.408.604.491
Các khoản đầu tư dài hạn khác - gộp	614.722.462.329	-	-	614.722.462.329
Trái phiếu Chính phủ	247.922.462.329	-	-	247.922.462.329
Trái phiếu doanh nghiệp	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000
Tiền gửi dài hạn	241.800.000.000	-	-	241.800.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Ký quỹ dài hạn	9.453.919.941	-	-	9.453.919.941
Các khoản phải thu dài hạn khác - gộp	12.896.427.397	-	-	12.896.427.397
	1.385.010.490.257	-	3.021.592.864	1.388.032.083.121

Chưa quá hạn: Không có bằng chứng về quá hạn hoặc suy giảm giá trị đối với những tài sản tài chính này.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: Những tài sản tài chính quá hạn này không bị giảm giá trị do có đủ tài sản đảm bảo và mức độ tín cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: Công ty cho rằng không có khả năng thu hồi đầy đủ lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên hợp đồng bảo hiểm và chi trả giá trị giải ước cho những hợp đồng chấm dứt trước hạn. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này và đưa ra các khoản phạt vì chậm dứt hợp đồng trước thời hạn và các điều khoản điều chỉnh thị trường để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

Bảng sau đây trình bày sơ lược về thời gian đáo hạn theo hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại thời điểm báo cáo:

	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	5-15 năm VND	Trên 15 năm VND	Không kỳ hạn xác định VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Tài sản tài chính								
Tiền và tương đương tiền	-	658.063.711.754	-	-	-	-	-	658.063.711.754
Đầu tư ngắn hạn	-	82.450.274.000	-	-	-	-	20.000.000.000	102.450.274.000
+ Trái phiếu doanh nghiệp	-	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	51.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000	51.000.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000
+ Đầu tư ngắn hạn khác	-	6.450.274.000	-	-	-	-	-	6.450.274.000
Phải thu	12.420.577.030	111.030.996.608	-	-	-	-	-	123.451.573.638
+ Phải thu của khách hàng	-	13.907.437.887	-	-	-	-	-	13.907.437.887
+ Các khoản phải thu khác	12.420.577.030	97.123.558.721	-	-	-	-	-	109.544.135.751
Đầu tư dài hạn	-	-	234.588.150.136	-	204.531.615.879	100.668.279.758	-	539.788.045.773
+ Trái phiếu chính phủ	-	-	2.788.150.136	-	144.531.615.879	100.668.279.758	-	247.988.045.773
+ Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	40.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-	100.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	191.800.000.000	-	-	-	-	191.800.000.000
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	-	-	-	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	30.548.051.626	-	-	-	-	30.548.051.626
	12.420.577.030	851.544.982.362	265.136.201.762	-	204.531.615.879	115.668.279.758	20.000.000.000	1.469.301.656.791
Nợ phải trả tài chính								
Phải trả người bán	-	32.921.923.502	-	-	-	-	-	32.921.923.502
Phải trả khác	-	550.768.569.528	-	-	-	-	-	550.768.569.528
Chi phí phải trả	-	38.404.145.225	-	-	-	-	-	38.404.145.225
Dự phòng nghiệp vụ	-	16.091.618.158	884.648.415	8.110.466.058	146.674.210.330	607.649.593.236	-	779.410.536.197
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	40.520.356.611	40.520.356.611
	-	638.186.256.413	884.648.415	8.110.466.058	146.674.210.330	607.649.593.236	40.520.356.611	1.442.025.531.063
Chênh lệch thanh khoản ròng	12.420.577.030	213.358.725.949	264.251.553.347	(8.110.466.058)	57.857.405.549	(491.981.313.478)	(20.520.356.611)	27.276.125.728

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	5-15 năm VND	Trên 15 năm VND	Không kỳ hạn xác định VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Tài sản tài chính								
Tiền và tương đương tiền	-	194.899.432.625	-	-	-	-	-	194.899.432.625
Đầu tư ngắn hạn	-	414.847.205.384	-	-	-	-	20.000.000.000	434.847.205.384
+ Trái phiếu doanh nghiệp	-	37.921.100.000	-	-	-	-	-	37.921.100.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	372.196.164.384	-	-	-	-	20.000.000.000	372.196.164.384
+ Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000
+ Đầu tư ngắn hạn khác	-	4.729.941.000	-	-	-	-	-	4.729.941.000
Phải thu	3.021.592.864	106.191.042.581	-	-	-	-	-	109.212.635.445
+ Phải thu của khách hàng	-	20.804.030.954	-	-	-	-	-	20.804.030.954
+ Các khoản phải thu khác	3.021.592.864	85.387.011.627	-	-	-	-	-	88.408.604.491
Đầu tư dài hạn	-	-	309.577.949.192	-	204.492.038.216	100.652.474.921	-	614.722.462.329
+ Trái phiếu chính phủ	-	-	2.777.949.192	-	144.492.038.216	100.652.474.921	-	247.922.462.329
+ Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	65.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-	125.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	241.800.000.000	-	-	-	-	241.800.000.000
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	-	-	-	-	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	21.096.171.764	1.254.175.574	-	-	-	22.350.347.338
	3.021.592.864	715.937.680.590	330.674.120.956	1.254.175.574	204.492.038.216	112.652.474.921	20.000.000.000	1.388.032.083.121

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	-	42.396.889.734	-	-	-	-	-	42.396.889.734
Phải trả khác	-	2.788.972.639	-	-	-	-	-	2.788.972.639
Chi phí phải trả	-	106.598.084.800	-	-	-	-	-	106.598.084.800
Dự phòng nghiệp vụ	-	19.792.814.170	155.896.500	4.358.263.230	135.463.042.907	407.774.298.255	-	567.544.315.062
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	39.173.209.506	39.173.209.506
	-	171.576.761.343	155.896.500	4.358.263.230	135.463.042.907	407.774.298.255	39.173.209.506	758.501.471.741
Chênh lệch thanh khoản ròng	3.021.592.864	544.360.919.247	330.518.224.456	(3.104.087.656)	69.028.995.309	(295.121.823.334)	(19.173.209.506)	629.530.611.380

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý				
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Tài sản tài chính									
Tiền và tương đương tiền	658.063.711.754	-	194.899.432.625	-	658.063.711.754	-	194.899.432.625		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	21.183.320.000	-	20.003.200.000		
Chứng chỉ quỹ	51.000.000.000	-	372.196.164.384	-	51.000.000.000	-	372.196.164.384		
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	191.800.000.000	-	241.800.000.000	-	191.800.000.000	-	241.800.000.000		
Tiền gửi dài hạn	247.988.045.773	-	247.922.462.329	-	387.460.598.625	-	334.815.998.071		
Trái phiếu Chính phủ	125.000.000.000	-	162.921.100.000	-	125.000.000.000	-	162.921.100.000		
Trái phiếu doanh nghiệp	15.000.000.000	-	12.000.000.000	-	15.000.000.000	-	12.000.000.000		
Cho vay và phải thu	30.548.051.626	-	22.350.347.338	-	30.548.051.626	-	22.350.347.338		
Ký quỹ bảo hiểm	6.450.274.000	-	4.729.941.000	-	6.450.274.000	-	4.729.941.000		
Phải thu dài hạn khác	109.544.135.751	4.633.379.107	88.408.604.491	2.169.660.557	104.910.756.644	2.169.660.557	86.238.943.934		
Tam ứng trên giá trị giải ước	13.907.437.887	-	20.804.030.954	-	13.907.437.887	-	20.804.030.954		
Phải thu khác									
	1.469.301.656.791	4.633.379.107	1.388.032.083.121	2.169.660.557	1.605.324.150.536	2.169.660.557	1.472.759.158.306		

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ phải trả tài chính				
Được ghi nhận theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	32.921.923.502	42.396.889.734	32.921.923.502	42.396.889.734
Chi phí phải trả	38.404.145.225	106.598.084.800	38.404.145.225	106.598.084.800
Phải trả khác	550.768.569.528	2.788.972.639	550.768.569.528	2.788.972.639
Dự phòng nghiệp vụ	779.410.536.197	567.544.315.062	779.410.536.197	567.544.315.062
Phải trả dài hạn khác	40.520.356.611	39.173.209.506	40.520.356.611	39.173.209.506
	1.442.025.531.063	758.501.471.741	1,442,025,531,063	758,501,471,741

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, tài sản và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được giao dịch tự do trên thị trường tài chính tập trung được xác định dựa trên giá niêm yết trên thị trường đó (nếu có) tại ngày lập báo cáo.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hoặc thả nổi được Công ty xác định dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Công ty ước tính giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- ▶ Đối với khoản đầu tư được phân loại là cho vay và các khoản phải thu, giá trị ghi sổ không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý vì phần lớn tài sản tài chính này có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- ▶ Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 19 tháng 2 năm 2024, Công ty đã được Bộ Tài chính phê duyệt tăng vốn theo Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC11/KDBH. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 19 tháng 2 năm 2024 là 3.043 tỷ VND.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Paul George Nguyen
Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận
Phó phòng Kế toán

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2024